

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên công ty niêm yết: Công ty CP LILAMA – Thí Nghiệm Cơ Điện
Năm báo cáo: 2010

a) I. Lịch sử hoạt động của Công ty

1. Những sự kiện quan trọng:

Công ty CP Lilama - Thí Nghiệm Cơ Điện với tiền thân là Trung tâm nghiên cứu kinh tế kỹ thuật Lắp máy (sau gọi tắt là Trung tâm) thuộc Tổng Công ty Lắp Máy Việt Nam, công ty đã tạo dựng được uy tín lớn trong lĩnh vực xây dựng cơ bản, Để có được vị trí như ngày hôm nay không phải là điều dễ dàng, đó là kết quả của những nỗ lực không mệt mỏi, của trí tuệ, tinh thần sáng tạo, học hỏi kết hợp với kinh nghiệm và nhiệt huyết của bao thế hệ cán bộ công nhân viên công ty.

Chặng đường hình thành và phát triển của công ty được đánh dấu bằng những mốc thời gian quan trọng: năm 1980 (thành lập trung tâm), năm 1993 (đổi tên thành Xí nghiệp Lắp máy và thí nghiệm cơ điện), năm 1996 (đổi tên thành công ty Lắp máy và thí nghiệm cơ điện), ngày 08 tháng 01 năm 2004 Bộ Xây Dựng có quyết định số 54 /QĐ-BXD cổ phần hoá Công ty Lắp Máy và Thí Nghiệm Cơ Điện thuộc Tổng Công ty Lắp Máy Việt Nam thành Công ty Cổ Phần lắp máy và thí nghiệm cơ điện với số vốn điều lệ là: 5.600.000.000 đồng; Trong đó vốn nhà nước tại Doanh nghiệp là: 2.903.600.000 đồng (Chiếm 51,85%) và phần vốn góp của các cổ đông là: 2.696.400.000 đồng (Chiếm 48,15%). Công ty cổ phần Lắp máy và Thí Nghiệm Cơ điện đã chính thức đi vào hoạt động từ ngày 05 tháng 03 năm 2004 theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103003803 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Ngày 15 tháng 01 năm 2007 Công ty thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh lần thứ nhất do thay đổi giám đốc và thay đổi người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Ngày 04 tháng 07 năm 2007 Công ty thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh lần 2, đổi tên thành Công ty Thành Công ty Cổ Phần LILAMA - Thí Nghiệm Cơ Điện và tăng vốn điều lệ lên 13.500.000.000 đồng trong đó vốn nhà nước tại Doanh nghiệp là: 6.999.750.000 đồng (Chiếm 51,85%) và phần vốn góp của các cổ đông là: 6.500.250.000 đồng (Chiếm 48,15%). Ngày 13/03/2008 Công ty thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh lần 3, Công ty chuyển trụ sở chính từ 124 Minh Khai- Hai Bà Trưng -Hà Nội về số 434-436 đường Nguyễn Trãi- Xã Trung Văn - Huyện Từ Liêm – TP Hà Nội và thay đổi người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Mỗi mốc thời gian đó đều đánh dấu một bước trưởng thành mới của công ty và là sự khởi đầu cho bước phát triển tiếp theo.

Ngày 08/10/2010 Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội có Quyết định số 737/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận niêm yết cổ phiếu Công ty Cổ phần Lilama- Thí nghiệm cơ điện. Ngày 15/11/2010 cổ phiếu Công ty Cổ phần Lilama- Thí nghiệm cơ điện (Mã chứng khoán: LCD) chính thức giao dịch trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

2. Quá trình phát triển

-Ngành nghề kinh doanh của công ty:

- + Xây dựng các công trình công nghiệp, đường dây tải điện, trạm biến thế, lắp ráp thiết bị máy móc cho các công trình;
- + Sản xuất phụ tùng cầu kiện kim loại, phụ kiện phi tiêu chuẩn cho xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng: gạch lát, tấm lợp, đá ốp lát, đất đèn, ô xy, que hàn, kinh doanh vật tư thiết bị, vật liệu xây dựng;
- + Thiết kế các dây chuyền sản xuất: vật liệu xây dựng, giấy và chế biến lương thực, thực phẩm;
- + Lắp đặt các thiết bị công nghệ tự động, công nghệ môi trường, xử lý nước sinh hoạt, hệ thống điều khiển, các thiết bị đo lường và thiết bị dự phòng chống sét cho các hệ thống điện;
- + Lắp đặt điện, nước, thiết thông gió, điều hoà không khí;
- + Cung cấp, lắp đặt, bảo trì các loại thang máy và hệ thống phòng chống cháy;
- + Thí nghiệm kiểm tra, hiệu chỉnh hệ thống thiết bị điện đo lường và điều khiển tự động, hệ thống truyền tải tới 500KV;
- + Thí nghiệm, kiểm tra cơ nhiệt, chạy thử các dây truyền công nghệ cho các nhà máy công nghiệp;
- + Kiểm tra không phá huỷ (NDT) bằng các phương pháp chụp phóng xạ, siêu âm, từ tính, thử màu và kiểm tra chân không;
- + Kiểm tra xử lý gia nhiệt các mối hàn kim loại.

Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh theo quy định của giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và điều lệ phù hợp với quy định của pháp luật. Khi cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định việc chuyển hay mở rộng các ngành nghề kinh doanh của công ty mà pháp luật cho phép

- Tình hình hoạt động

Trong suốt quá trình xây dựng và trưởng thành Công ty đã tham gia thi công xây dựng và lắp đặt nhiều công trình lớn quan trọng như: công trình (CT) thủy điện Hòa Bình, CT thủy điện Yaly, CT nhiệt điện Phả Lại, CT nhà ga T1, CT nhiệt điện Phả Lại II, lắp đặt điện CT B.BRAUN Hà Nội, và gần nhất là CT trung tâm hội nghị Quốc gia – Mỹ Đình, CT nhiệt điện Uông Bí mở rộng, Lọc dầu Dung Quất, Thủy điện Sơn La, Nhiệt điện Ô Môn, Nhiệt điện Nhơn Trạch 1, Xi măng Thăng Long, Xi măng Hạ Long, Xi măng Hải Phòng mới, Xi măng Sông Thao, Xi măng Bim Sơn, Thủy điện Đồng Nai 3&4, Thủy điện Đăk tih, Bảo tàng Hà Nội...

3. Định hướng phát triển

Mục tiêu chủ yếu của Công ty: Xây dựng Công ty đáp ứng mục tiêu phát triển theo định hướng của Tổng công ty Lắp máy Việt Nam (LILAMA), trong đó có định hướng Xây dựng và phát triển Công ty trở thành một đơn vị xây lắp chuyên ngành mạnh, có khả năng thi công trọn gói các công

trình lớn ở trong và ngoài nước. Đồng thời đáp ứng mục tiêu đạt lợi nhuận tối đa, tạo công ăn việc làm cho người lao động, tăng cổ tức cho các cổ đông, thực hiện các nghĩa vụ đối với Nhà nước và sự phát triển ổn định, bền vững cho Công ty.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Sản xuất kinh doanh

Đầu tư chiều sâu để tiếp tục phát huy những thế mạnh về các công việc sở trường truyền thống của Công ty trong những năm qua đó là công tác thí nghiệm điện và công tác kiểm tra mỗi hàn bằng phương pháp không phá huỷ NDT. nghiên cứu và mạnh dạn phát triển thêm một số công việc khác: sản xuất các tủ bảng điện, máng cáp, chế tạo và lắp đặt các thiết bị, kết cấu thép...

Lập phương án tăng vốn của Công ty lên 30 tỷ để đáp ứng cho việc mở rộng, phát triển sản xuất kinh doanh, tạo nhiều việc làm và nâng cao thu nhập cho cán bộ công nhân viên.

Tài chính:

Duy trì tình hình tài chính lành mạnh và ổn định.

Tích cực tìm nguồn vốn với chi phí thấp

Công tác đời sống của CBCNV:

Đảm bảo đủ việc làm cho CBCNV, phân đầu mức thu nhập bình quân hàng tháng từ 3.500.000 đồng đến 4.000.000 đồng/người/tháng.

Duy trì chế độ khuyến khích thợ giỏi, xây dựng đơn giá tiền lương và định mức khoán đảm bảo sự công bằng xã hội và kích thích sản xuất phát triển.

Chăm lo sức khoẻ cho người lao động, tổ chức khám sức khỏe định kỳ đều đặn, mua BHXH, BHYT, bảo hiểm tai nạn lao động đầy đủ, thăm hỏi trợ cấp khó khăn kịp thời cho CBCNV.

Đẩy mạnh phong trào văn hoá, văn nghệ thể thao quần chúng tạo ra cuộc sống tinh thần sôi động, xoá bỏ các tệ nạn xã hội, tích cực tham gia các phong trào với địa phương có hiệu quả.

II. Báo cáo của Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên/Chủ tịch công ty

1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm 2010

- Trong năm 2010, Mặc dù Giá trị sản lượng và Doanh thu không đạt kế hoạch đề ra: về Giá trị sản lượng: 72,51 tỷ đồng đạt 64,45% kế hoạch năm; về Doanh thu: 40,53 tỷ đồng đạt 70,62% kế hoạch năm; nhưng một số chỉ tiêu cơ bản vẫn đảm bảo hoặc vượt kế hoạch đặt ra như Lợi nhuận: 3,32 tỷ đồng đạt 103,83% kế hoạch năm; kế hoạch tỷ lệ chia cổ tức 12% đạt 100% kế hoạch năm.

- Trong năm 2010, HĐQT Công ty đã thực hiện tốt vai trò chỉ đạo, quản lý và giám sát toàn diện các mặt hoạt động SXKD của Công ty. Kiểm tra giám sát về việc thực hiện các chế độ chính sách của Nhà Nước, các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, các quy định, điều hành của Tổng Giám đốc trong hoạt động SXKD. HĐQT đã đưa ra định hướng đúng đắn, các giải pháp phù hợp và kịp thời để chỉ đạo thực hiện hoạt động SXKD.

2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2010 (Đồng)	Thực hiện năm 2010 (Đồng)	Tỷ lệ % so kế hoạch
1	Giá trị sản xuất kinh doanh	112.500.000.000	72.510.000.000	64,45
2	Tổng doanh thu	61.600.000.000	43.501.067.183	70,62
3	Lợi nhuận trước thuế	3.200.000.000	3.322.653.176	103,83
4	Nộp ngân sách	6.320.000.000	5.089.127.046	80,52
5	Thu nhập bình quân	4.000.000	3.975.807	99,4
6	Tỷ lệ chia cổ tức %	12%	12%	100

3. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai (thị trường dự tính, mục tiêu...)

Năm 2011 là năm công ty đã có những hợp đồng có giá trị ký với Tổng công ty, đồng thời tiếp tục đề nghị Tổng công ty giao cho những công việc tiếp theo như lắp đặt thiết bị C&I, lắp đặt tủ bảng điện, thí nghiệm và hiệu chỉnh các thiết bị điện, Gia nhiệt và xử lý nhiệt mỗi hàn .v.v. thuộc Công trình nhà máy nhiệt điện Vũng áng 1 đã được Tổng giám đốc Tổng công ty phê duyệt. Ngoài những công trình đã ký kết hợp đồng với Tổng công ty và các công trình đã ký kết hợp đồng với các công ty thành viên và các công ty ngoài Tổng công ty đang thi công, công ty đang tiến hành chào giá công trình TTTM sầm sơn Thanh Hoá, đã ký hợp đồng nguyên tắc và đang thương thảo để ký kết hợp đồng kinh tế, Công trình gang thép Thái nguyên và một số công trình khác.

- Công ty đặt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2011 như sau :

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2011 (Đồng)	Tỷ lệ % so với 2010
1	Giá trị sản xuất kinh doanh	90.000.000.000	124 %
2	Tổng doanh thu	54.000.000.000	124%
3	Lợi nhuận	3.780.000.000	117%
4	Nộp ngân sách	5.320.000.000	104%
5	Thu nhập bình quân	4.500.000	113%
6	Vốn đầu tư & phát triển sản xuất	Cải tạo văn phòng	2.500.000.000
		Phương tiện máy phục vụ thi công	3.500.000.000
7	Dự kiến chia cổ tức	12.5%	104%

III. Báo cáo của Ban giám đốc

1. Báo cáo tình hình tài chính

- Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kỳ này	Kỳ trước
-----	----------	----------------	--------	----------

1	Cơ cấu tài sản - Tài sản dài hạn/Tổng tài sản - Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	51% 49%	46% 54%
2	Cơ cấu nguồn vốn - Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn - Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	58% 42%	68% 32%
3	Khả năng thanh toán - Tổng tài sản/Tổng nợ phải trả - Tổng TSLĐ và đầu tư ngắn hạn/Tổng nợ ngắn hạn - Tổng tiền và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn/Tổng nợ ngắn hạn	Lần	1,73 0,97 0,01	1,48 1,10 0,03
4	Tỷ suất lợi nhuận a. Lợi nhuận/doanh thu - LN trước thuế/Doanh thu thuần+ DT hoạt động tài chính+th nhập khác - LN sau thuế/Doanh thu thuần+ DT hoạt động tài chính+th nhập khác b. Lợi nhuận/Tổng tài sản - LN trước thuế/Tổng tài sản - LN sau thuế/Tổng tài sản c. Lợi nhuận sau thuế/ Nguồn vốn CSH	%	8% 6% 7% 5% 12%	7% 5% 5% 4% 12%

- Phân tích các hệ số phù hợp trong khu vực kinh doanh.

Hệ số thanh toán: tổng tài sản/tổng nợ phải trả tại ngày 31/12/2010 là 1,73 lớn hơn 1, chứng tỏ tình hình tài chính là an toàn, đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ, tuy nhiên hệ số thanh toán: tổng tiền và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn/tổng nợ ngắn hạn tương đối thấp do đặc thù của ngành xây lắp giá trị sản phẩm dở dang chiếm tỷ trọng lớn trong hàng tồn kho chủ yếu là các công trình xây dựng, lắp đặt chưa quyết toán.

Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời khá cao so với các doanh nghiệp cùng ngành lắp máy; hệ số lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần đạt 6%, hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu đạt 12%, hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản đạt 5%.

Như vậy các hệ số của Công ty so với các doanh nghiệp cùng ngành lắp máy là tương đối tốt.

- Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2010 là:

Tại thời điểm 31/12/2010 (Mệnh giá 10.000 đồng / Cổ phần)

$$\text{Giá trị sổ sách} = \frac{\text{Nguồn vốn chủ sở hữu}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành}} = 15.453 \text{ đồng/CP}$$

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại: 1.350.000 cổ phiếu

- Cổ tức/lợi nhuận chia cho các thành viên góp vốn kế hoạch năm 2010: 12%/ năm (đã thực hiện 10%)

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

a. Kết quả hoạt động SXKD năm 2010

TT	Chi tiêu	Kế hoạch năm 2010 (Đồng)	Thực hiện năm 2010 (Đồng)	Tỷ lệ % so kế hoạch	Tỷ lệ % so với 2009
1	Giá trị sản xuất kinh doanh	112.500.000.000	72.510.000.000	64,45	96,75
2	Tổng doanh thu	61.600.000.000	43.501.067.183	70,62	88,21
3	Lợi nhuận trước thuế	3.200.000.000	3.322.653.176	103,83	100,26
4	Nộp ngân sách	6.320.000.000	5.089.127.046	80,52	111,44
5	Thu nhập bình quân	4.000.000	3.975.807	99,4	108,21
6	Tỷ lệ chia cổ tức %	12%	12%	100	104,35

b. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh

- Thuận lợi

Được sự giúp đỡ tạo điều kiện thuận lợi của lãnh đạo Tổng công ty Lắp máy Việt Nam, các cơ quan chính quyền địa phương TP Hà Nội và các địa phương nơi công ty thi công.

Sự đoàn kết nhất trí cao trong ban lãnh đạo Công ty, sự quyết tâm nỗ lực khắc phục mọi khó khăn của toàn thể CBCNV, sự tin tưởng và yên tâm công tác trong công nhân lao động, sự kết hợp chặt chẽ của các tổ chức đoàn thể trong Công ty.

Ban lãnh đạo Công ty đã không ngừng tìm kiếm đối tác, ký kết hợp đồng có giá trị kinh tế cao.

- Khó khăn: Năm 2010 là một năm công ty có khó khăn về việc làm, công việc hàng đầu lãnh đạo Công ty đặt ra là công tác tìm kiếm việc làm, sáu tháng đầu năm công ty có ký kết được một số hợp đồng với các công ty thành viên trong tổng công ty như Thủy điện Alưới, Thủy điện An Khê Knak, Bauxit nhôm Lâm Đồng với Lilama 45-4, lọc dầu Nam Việt với Lilama 69-1 và các công ty ngoài tổng công ty như Công ty CP xây lắp 1-Petrolimex xử lý nhiệt cum chi tiết bồn Vân phong; Công ty TNHH Ebara Việt Nam Dự án lắp đặt thiết bị các trạm xử lý nước thải, nước tinh khiết công ty điện tử Meiko thạch thất Hà Tây. Nhìn chung các hợp đồng này đều có giá trị chưa lớn. Quý III năm 2010 công ty đã ký được 02 hợp đồng với tổng công ty cho công tác lắp đặt hệ thống tiếp địa và kiểm tra chất lượng môi hàn bằng phương pháp không phá hủy công trình nhiệt điện Vũng Áng 1, công trình mới vào thi công, khối lượng thi công chưa nhiều.

3. Những tiến bộ công ty đã đạt được

a. Công tác tổ chức và đào tạo

- Tăng cường công tác quản lý, giáo dục CBCNV có ý thức chấp hành nghiêm túc chủ trương đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước, điều lệ của Công ty. Nâng cao ý thức trách nhiệm và kỷ luật cho toàn thể nhân viên trong Công ty.

- Năm 2010 Công ty đã nâng lương cho 27 cán bộ công nhân viên, tổ chức thi nâng bậc lương cho 05 công nhân và giải quyết chế độ hưu cho 09 cán bộ công nhân viên.

b. Công tác tài chính kế toán

- Tập trung chỉ đạo công tác thu hồi vốn các công trình đã thi công xong, hoàn thiện hồ sơ pháp lý thanh quyết toán để làm cơ sở thu hồi vốn giảm lãi vay ngân hàng.
- Quản lý thanh quyết toán cho các đội công trình đúng theo quy chế đã ban hành, kịp thời đúng chế độ cho người lao động: tiền lương, tiền thưởng, BHXH, BHYT
- Công tác quản lý tài chính công khai, minh bạch, kiểm toán kịp thời vào thời điểm kết thúc năm tài chính góp phần duy trì tài chính Công ty lành mạnh và ổn định.

c. Thực hiện chính sách đối với người lao động

- Kịp thời điều chỉnh tiền lương cho CBCNV theo mức lương tối thiểu mới do nhà nước quy định, tăng thu nhập cho người lao động tâm lý yên tâm để gắn bó lâu dài với Công ty.
- Công ty hàng năm đều tổ chức cho CBCNV đi thăm quan du lịch, nghỉ mát.
- Trợ cấp khó khăn cho CBCNV có hoàn cảnh khó khăn thường xuyên, kịp thời, đúng đối tượng.
- Công tác BHXH, BHYT, bảo hiểm tai nạn lao động, Công ty luôn chấp hành đầy đủ 100%, thực hiện đúng chế độ, chính sách đối với người lao động.

d. Công tác an toàn lao động

- Lãnh đạo công ty đã quan tâm triệt để đến công tác này, chỉ đạo Ban an toàn lao động công ty thực hiện đầy đủ các quy định về công tác an toàn, tổ chức cho các CBCNV đi công tác các công trình được học tập đầy đủ các bước an toàn trước khi làm việc. Xây dựng mạng lưới an toàn viên từ công ty đến các đội công trình, tổ sản xuất, thường xuyên cử các cán bộ an toàn tham gia các khoá đào tạo về an toàn, đặc biệt là công tác an toàn trong lĩnh vực thí nghiệm điện và kiểm tra mối hàn bằng phương pháp không phá huỷ NDT. Thường xuyên tổ chức các đoàn kiểm tra về công tác ATLĐ tại các công trình. Tổ chức thực hành các trường hợp khẩn cấp đặc biệt với công tác NDT tại các công trình mà công ty tham gia xây dựng. Năm 2010 công ty không có vụ tai nạn do mất an toàn nào xảy ra..

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

a. Công tác quản lý.

- Tiếp tục xây dựng hệ thống quản trị doanh nghiệp, nhằm quản lý một cách toàn diện và đồng bộ sản xuất, kinh doanh và đầu tư.
- Tiếp tục nghiên cứu đổi mới về cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty cho phù hợp với từng giai đoạn, đặc biệt là trong giai đoạn suy thoái kinh tế trên toàn thế giới, phù hợp với sự hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng.
- Từng thành viên trong ban giám đốc được phân công chỉ đạo trực tiếp các công trình thi công nhằm xử lý kịp thời những phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh
- Bố trí sắp xếp CNCNV, phương tiện máy móc thiết bị vật tư hợp lý để thực hiện các hợp đồng đã ký kết đảm bảo đúng tiến độ chất lượng an toàn và hiệu quả kinh tế cao.

b. Phát triển nhân lực

- Xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực của Công ty thông qua các chương trình đào tạo dài hạn, ngắn hạn, đặc biệt trong các lĩnh vực là thế mạnh của Công ty : thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị

điện, công nghệ, kiểm tra không phá huỷ NDT. Đồng thời đề ra các chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện về vật chất, môi trường làm việc tốt cho CBCNV.

- Hiện tại tổng số CBCNV toàn Công ty là 413 người trong đó:

+ Hợp đồng không xác định thời hạn: 183 người

+ Hợp đồng ngắn hạn: 230 người

c. Công tác thu hồi vốn

- Năm 2011 Công ty sẽ tập trung chỉ đạo các phòng ban chức năng công ty cũng như các đội công trình thực hiện hoàn thành công tác thanh quyết toán các công trình đã thi công kết thúc và đang ở giai đoạn kết thúc như: công trình Xi măng Bim sơn, Xi măng Hạ Long, Xi măng Thăng long, xi măng Sông thao, thủy điện Sơn La ... đồng thời tập trung chỉ đạo công tác thu hồi vốn tại các công trình đang thi công như nhiệt điện vũng áng, thủy điện sơn la, thủy điện Đồng Nai 3&4, Dark tih, Ankhê Kanak ...

d. Công tác tiếp thị đấu thầu

- Tăng cường quan hệ, tiếp thị hơn nữa với các đối tác trong và ngoài Tổng Công Ty Lắp Máy Việt Nam.

- Công tác tiếp thị để tìm kiếm việc làm là công tác quan trọng hàng đầu. Lãnh đạo Công ty sẽ có kế hoạch để tìm kiếm được nhiều việc làm đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động và hoàn thành kế hoạch năm 2011 mà Công ty đã đặt ra.

IV. Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính năm 2010 đã được kiểm toán theo qui định của pháp luật về kế toán (Báo cáo kiểm toán kèm theo).

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		24.337.598.299	33.843.956.988
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		140.500.518	977.170.449
1. Tiền	111	V.01	140.500.518	977.170.449
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
III. Các khoản phải thu	130		16.252.655.016	24.902.855.877
1. Phải thu của khách hàng	131		15.764.290.702	24.223.111.030
2. Trả trước cho người bán	132		277.005.456	274.755.455
5. Các khoản phải thu khác	138	V.02	281.358.858	474.989.392
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(70.000.000)	(70.000.000)
IV. Hàng tồn kho	140		6.508.280.525	6.652.727.881
1. Hàng tồn kho	141	V.03	6.511.796.525	6.659.174.881
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(3.516.000)	(6.447.000)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.436.162.240	1.311.202.781
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.436.162.240	1.311.202.781
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		25.071.018.335	28.485.452.546
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
II. Tài sản cố định	220		24.648.710.702	27.959.414.384
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.04	6.552.539.715	8.514.180.513
- Nguyên giá	222		18.203.111.094	18.101.160.070
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(11.650.571.379)	(9.586.979.557)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.05	1.828.544.610	3.177.607.494
- Nguyên giá	225		5.396.251.583	5.396.251.583
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	226		(3.567.706.973)	(2.218.644.089)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.06	16.267.626.377	16.267.626.377
- Nguyên giá	228		16.267.626.377	16.267.626.377
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229			
III. Bất động sản đầu tư	240			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250			
V. Tài sản dài hạn khác	260		422.307.633	526.038.162
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07	22.307.633	126.038.162
3. Tài sản dài hạn khác	268		400.000.000	400.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		49.408.616.634	62.329.409.534

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		28.547.472.696	42.153.145.466
I. Nợ ngắn hạn	310		25.055.780.347	30.724.094.566
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.08	15.487.105.044	10.005.013.741
2. Phải trả người bán	312		1.872.213.443	1.450.415.699
3. Người mua trả tiền trước	313		34.566.423	48.759.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.09	758.035.627	3.717.639.039
5. Phải trả công nhân viên	315		1.825.468.098	3.247.431.600
6. Chi phí phải trả	316		-	14.724.126
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo kế hoạch tiến độ HĐXD	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.10	5.078.391.712	12.096.303.926
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	143.807.435
II. Nợ dài hạn	330		3.491.692.349	11.429.050.900
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.11	3.156.070.072	10.542.622.328
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		335.622.277	249.881.111
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	636.547.461
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		20.861.143.938	20.176.264.068
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.12	20.861.143.938	20.176.264.068
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		13.500.000.000	13.500.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.165.180.000	1.165.180.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	12.959.850
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.335.613.984	1.852.313.660
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		277.140.536	156.315.455
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		3.583.209.418	3.489.495.103
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ xếp hạng doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		49.408.616.634	62.329.409.534

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi			
4. Nợ khó đòi đã xử lý		946.580.477	946.580.477
5. Ngoại tệ các loại (USD)		1.593,61	
6. Dự toán chi hoạt động			

Ghi chú: Các chỉ tiêu có số liệu âm được ghi trong ngoặc đơn ()

Người lập biểu



Lê Tuấn Anh

Kế toán trưởng



Vũ Thị Thúy Giang

Hà Nội, ngày 10 tháng 01 năm 2011



Tổng Giám đốc



Hoàng Minh Phương

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	00	VI.13	43.501.067.183	49.315.291.479
2. Các khoản giảm trừ	02			-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.14	43.501.067.183	49.315.291.479
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.15	33.371.914.323	39.898.713.849
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		10.129.152.860	9.416.577.630
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.16	54.293.562	36.128.157
7. Chi phí tài chính	22	VI.17	2.409.283.540	1.772.905.130
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.407.568.550	1.772.905.130
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		5.148.013.875	4.361.960.116
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.626.149.007	3.317.840.541
11. Thu nhập khác	31		707.457.461	15.775.000
12. Chi phí khác	32		10.953.292	19.703.539
13. Lợi nhuận khác	40		696.504.169	(3.928.539)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.322.653.176	3.313.912.002
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.18	830.663.294	897.410.380
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		2.491.989.882	2.416.501.622
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		1.846	1.790

Hà Nội, ngày 10 tháng 01 năm 2011

Người lập biểu



Lê Tuấn Anh

Kế toán trưởng



Vũ Thị Thúy Giang

Tổng Giám đốc



Hoàng Minh Phương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Theo phương pháp trực tiếp
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	51.959.887.511	39.221.940.442
2. Tiền chi trả người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(31.125.144.615)	(19.200.249.186)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(14.142.379.095)	(14.924.377.294)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(2.409.283.540)	(1.758.181.004)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(1.552.923.322)	(133.851.550)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.891.770.701	602.773.350
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(1.938.167.680)	(1.247.812.810)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	2.683.759.960	2.560.241.948
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(184.762.500)	(215.942.606)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	67.000.000	13.675.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	51.344.653	36.128.157
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(66.417.847)	(166.139.449)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	25.866.751.854	9.482.162.119
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(26.754.028.551)	(9.778.384.546)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(1.017.184.256)	(1.043.296.299)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.552.500.000)	(1.190.650.333)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(3.456.960.953)	(2.530.169.059)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(839.618.840)	(136.066.560)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	977.170.449	1.100.277.159
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	2.948.909	12.959.850
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	140.500.518	977.170.449

Hà Nội, ngày 10 tháng 01 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Lê Tuấn Anh

Vũ Thị Thúy Giang

Hoàng Minh Phương

V. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán

1. Kiểm toán độc lập

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Tư Vấn Kế Toán Và Kiểm Toán Việt Nam
- Ý kiến kiểm toán độc lập: Theo ý kiến của chúng tôi Báo cáo tài chính của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty CP Lilama – Thí nghiệm Cơ điện tại ngày 31/12/2010, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2010, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.
- Các nhận xét đặc biệt (thư quản lý): Không có

2. Kiểm toán nội bộ

- Ý kiến kiểm toán nội bộ: Không
- Các nhận xét đặc biệt: Không

VI. Các công ty có liên quan

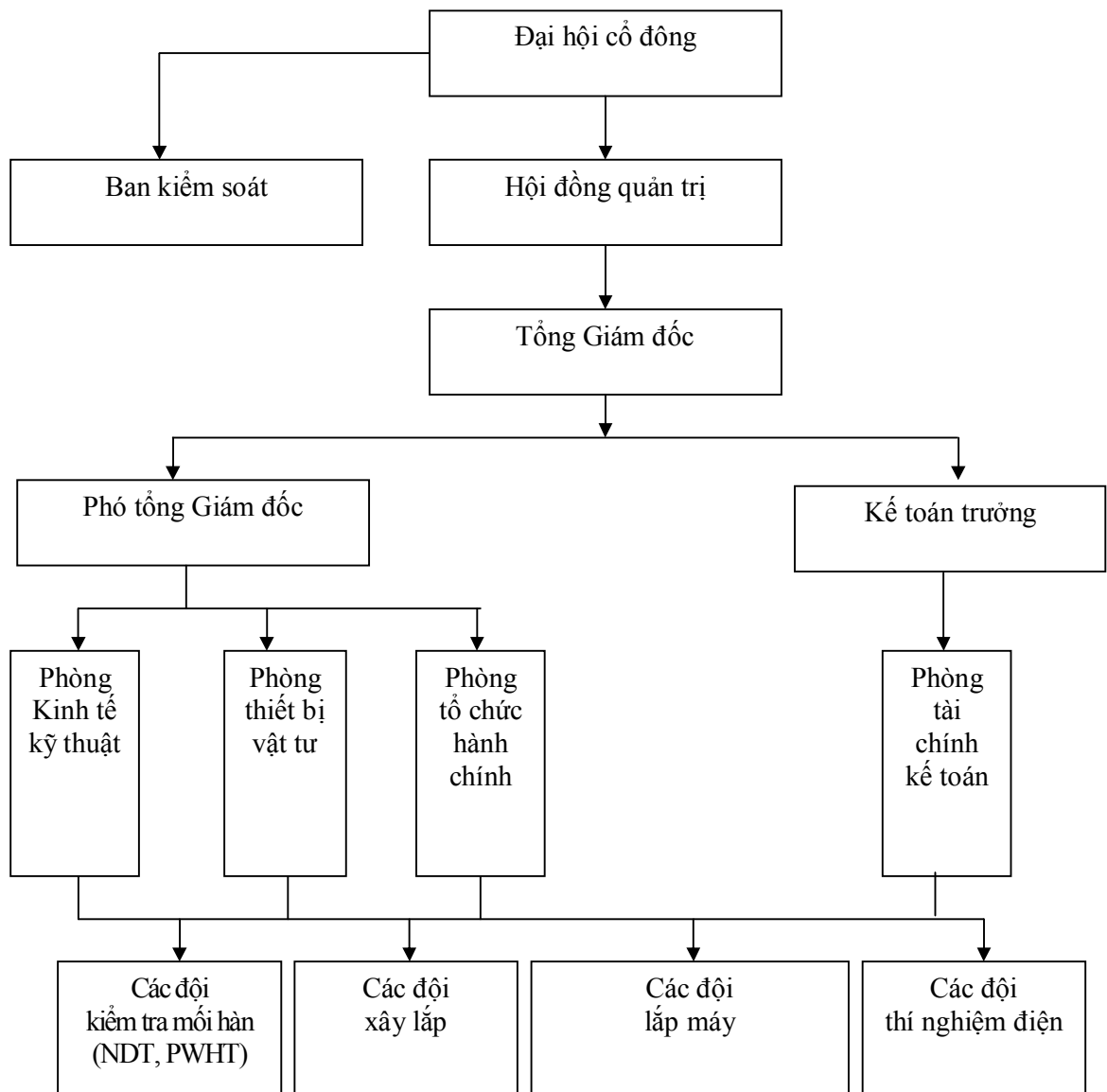
- Tổng Công ty Lắp Máy Việt Nam – Công ty TNHH MTV nắm giữ 51,85 % vốn cổ phần của Công ty.
- Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty có liên quan:
Công ty nắm giữ 51,85% vốn cổ phần của Công ty CP Lilama- Thí nghiệm Cơ điện là Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 110860 cấp ngày 12 tháng 04 năm 1996 và thay đổi theo số mới là 0100106313 cấp ngày 01/09/2010.
Trụ sở chính: 124 Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.
Ngành, nghề kinh doanh chính:
 - + Sản xuất kinh doanh xây dựng theo quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành xây dựng của nhà nước, bao gồm các lĩnh vực thi công lắp đặt thiết bị máy móc, thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, bưu điện, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường giao dây trạm biến thế điện;
 - + Kinh doanh phát triển nhà, tư vấn xây dựng;
 - + Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng;
 - + Xuất nhập khẩu lao động, vật tư thiết bị, công nghệ về lắp máy và xây dựng và các ngành nghề kinh doanh khác theo quy định của pháp luật;
 - + Kinh doanh bất động sản; du lịch lịch sử hành, khách sạn, nhà hàng và khu vui chơi giải trí, kinh doanh vận tải, hàng hóa, các thiết bị siêu trường siêu trọng, cho thuê thiết bị thi công và vận tải
 - + Đầu tư xây dựng các công trình bao gồm: công nghiệp (thủy điện, nhiệt điện, xi măng, hóa dầu, giấy và thép), dân dụng, giao thông, thủy lợi, cấp thoát nước và hạ tầng kỹ thuật đô thị;

- + Tư vấn xây dựng, tổng thầu toàn bộ hoặc một phần của dự án đầu tư các công trình công nghiệp, dân dụng và hạ tầng kỹ thuật như: khảo sát, lập dự án, thiết kế và lập tổng dự toán, tư vấn giám sát, quản lý dự án cung cấp thiết bị công nghệ và điều khiển tự động;
- + Chế tạo thiết bị và gia công kết cấu thép cho các công trình công nghiệp, dân dụng và hạ tầng kỹ thuật;
- + Các ngành nghề khác kinh doanh khác theo quy định của pháp luật.

VII. Tổ chức và nhân sự

1. Tổ Chức

Bộ máy quản lý và tổ chức của Công ty được tổ chức theo mô hình công ty cổ phần với sơ đồ như sau:



Chức năng, nhiệm vụ được quy định cụ thể trong điều lệ công ty như sau:

- Đại hội đồng cổ đông: Là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty cổ phần bao gồm các cổ đông có quyền biểu quyết, có quyền tổ chức hoặc giải thể Công ty, quyết định lại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán và ngược lại, quyết định mức cổ tức hàng năm đối với từng loại cổ phần. Quyết định sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng 2 cách: lấy biểu quyết và lấy ý kiến bằng văn bản. Chế độ làm việc họp thường kỳ ít nhất là mỗi năm một lần cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông chỉ hợp lệ khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất là 65% số cổ phần có quyền biểu quyết.

- Hội đồng quản trị: Là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông (theo điều 80 luật doanh nghiệp) Hội đồng quản trị có nhiệm vụ quyết định chiến lược của Công ty, quyết định giải pháp phát triển thị trường, quyết định nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, cơ cấu tổ chức, lập quy chế quản lý nội bộ lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có 01 phiếu biểu quyết.

- Tổng Giám đốc công ty là đại diện pháp nhân của Công ty trong mọi giao dịch, kinh doanh. Điều hành và chịu trách nhiệm về mọi hoạt động kinh doanh của Công ty theo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, điều lệ của Công ty và tuân thủ pháp luật.

- Phó Tổng giám đốc: Là người giúp Giám đốc điều hành một hoặc một số lĩnh vực của công ty theo sự ủy quyền của Tổng Giám đốc.

- Ban kiểm soát: Do Đại hội đồng cổ đông bầu ra (Theo điều 88 luật doanh nghiệp quy định). Ban kiểm soát là người thay mặt cổ đông kiểm tra giám sát hoạt động của Công ty, kiểm soát tình hình tài chính của Công ty và báo cáo kết quả kiểm tra với Đại hội đồng cổ đông.

- Kế toán trưởng có nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định pháp luật: đề xuất, tổ chức bộ máy kế toán phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty; tổ chức hướng dẫn thực hiện các quy định mới về công tác kế toán; hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra công tác kế toán trong doanh nghiệp phục vụ cho nhu cầu quản lý; nghiên cứu tham mưu cho giám đốc hoạch định chiến lược kinh doanh, dự báo thông tin kinh tế xã hội nhằm định hướng và điều chỉnh hoạt động sản xuất kinh doanh theo các mục tiêu đã đề ra...

- Các phòng ban nghiệp vụ: do Trưởng phòng phụ trách chịu trách nhiệm trước ban Giám đốc về việc thực thi các nhiệm vụ được giao.

- + Phòng Tổ chức hành chính: có chức năng quản lý về mặt nhân sự theo chỉ đạo trực tiếp từ ban giám đốc, bao gồm việc tổ chức tuyển dụng, đào tạo, sắp xếp, điều chuyển nhân sự phù hợp với

tính chất, yêu cầu công việc và khả năng của mỗi người; theo dõi việc nâng bậc lương, đóng bảo hiểm cho người lao động.

+ Phòng thiết bị vật tư: có nhiệm vụ lập kế hoạch và thực hiện cung ứng vật tư, mua sắm và sửa chữa thiết bị; quản lý tình hình sử dụng máy móc thiết bị, điều động thiết bị phục vụ thi công.

+ Phòng kinh tế kỹ thuật: có nhiệm vụ kiểm tra và thực hiện việc lập kế hoạch sản xuất, xây dựng các định mức kinh tế kỹ thuật, lập đơn giá dự toán các công trình tham gia đấu thầu và ký kết các hợp đồng kinh tế với đối tác; theo dõi, kiểm tra việc thi công công trình về mặt chất lượng kỹ thuật, tiến độ; nghiên cứu cải tiến máy móc thiết bị, đề xuất các biện pháp thi công...

+ Phòng Tài chính kế toán: do Kế toán trưởng trực tiếp chỉ đạo theo sự phân cấp nhiệm vụ và quyền hạn, có nhiệm vụ tổ chức và thực hiện công tác kế toán trong doanh nghiệp nhằm cung cấp thông tin kịp thời, chính xác và đầy đủ phục vụ công tác quản trị nội bộ và cho những người quan tâm khác; theo dõi tình hình sản xuất kinh doanh của công ty, hiệu quả hoạt động và tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước; kiểm tra và ngăn chặn các hành vi vi phạm những quy chế về tài chính kế toán đang có hiệu lực.

+ Các đội thi công: là đơn vị trực thuộc chịu trách nhiệm thi công các công trình, đảm bảo hoàn thành và bàn giao đúng thời hạn. Mỗi đội thi công do một đội trưởng phụ trách, được nhận và đấu thầu nội bộ, được chủ động lập phương án trình công ty duyệt, có thể thuê ngoài nhân lực, phương tiện nếu công ty chưa đáp ứng được nhu cầu và quản lý nhân sự thuộc đơn vị mình.

Hiện nay, nhằm khuyến khích người lao động tích cực sản xuất nâng cao hiệu quả công việc, công ty áp dụng cơ chế khoán nội bộ với các đội thi công, nhưng vẫn duy trì sự thông qua các quy định về các định mức kinh tế- kỹ thuật, quản lý về mặt nhân sự...

2. Nhân Sự

- Tổng số lao động đến 31/12/2010 là 413 người; Trong đó trình độ đại học là 53 người, trình độ cao đẳng trung cấp là 28 người, lao động có tay nghề là 332 người.

- Chính sách đối với người lao động:

+ Về tiền lương: Hiện nay, Công ty đang áp dụng hệ thống lương theo tính chất công việc. Đối với công nhân trực tiếp sản xuất, áp dụng lương khoán theo khối lượng công việc hoàn thành trong tháng. Đối với cán bộ công nhân viên gián tiếp, nghiệp vụ hưởng lương theo công việc và căn cứ vào trình độ, năng lực và hiệu quả công việc được giao.

+ Về công tác đào tạo: Với mục tiêu hướng đến kỹ năng chuyên môn hoá cao trong tất cả các bộ phận công tác, công ty luôn khuyến khích người lao động nâng cao năng lực nghiệp vụ, chuyên môn để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ tốt nhất; trong thời gian qua, Công ty đã hỗ trợ kinh phí đào tạo cho CBCNV trong việc học tập nâng cao nghiệp vụ, kỹ thuật. Trong thời gian tới, Công ty cũng sẽ tổ chức các lớp học, thi nâng cao tay nghề, bậc kỹ thuật, tạo ra phong trào học tập đi đôi với sáng tạo trong lao động sản xuất, phục vụ tốt cho mục tiêu phát triển lâu dài của Công ty.

+ Về chính sách khen thưởng: Để khuyến khích người lao động, Công ty có những chính sách khen thưởng xứng đáng với cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, bên cạnh đó công ty cũng

áp dụng các quy định xử phạt đối với các hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động, hình ảnh của Công ty.

- + Công tác đời sống đối với CBCNV Công ty luôn quan tâm, đảm bảo cho người lao động làm việc và thu nhập đúng với kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty, mức thu nhập bình quân một người/tháng đảm bảo, tiền thưởng bình quân lao động/người/năm bằng một tháng lương bình quân của năm.
- + Công ty hàng năm đều tổ chức cho CBCNV đi tham quan du lịch, nghỉ mát.
- + Trợ cấp khó khăn cho cán bộ công nhân viên có hoàn cảnh khó khăn thường xuyên, kịp thời, đúng đối tượng.

3. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong ban điều hành

3.1 Ban giám đốc

Hoàng Minh Phương - Tổng giám đốc kiêm chủ tịch HĐQT

Giới tính	Nam		
Số CMTND	011763934	Ngày cấp 21/08/2001	Nơi cấp CA Hà nội
Ngày tháng năm sinh	02/09/1952		
Nơi sinh	Hưng Yên		
Quê quán	Đông La - Thị trấn Yên Mỹ - Hưng Yên		
Quốc tịch	Việt Nam		
Dân tộc	Kinh		
Địa chỉ thường trú	22A/357 đường Nguyễn Tam Trinh – Hoàng Văn Thụ- Hoàng Mai-HN		
Số điện thoại liên lạc:	04.35543797		
Trình độ văn hoá	Đại học		
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư cơ khí		

Quá trình công tác

- ❖ Năm 1986 – 1991: Xưởng trưởng xưởng sản xuất que hàn
- ❖ Năm 1992-11/1993: Đội trưởng đội lắp thang máy
- ❖ Tháng 12/1993 – 2003: Trưởng phòng thiết bị vật tư
- ❖ Năm 2003 – tháng 11/2006: Phó tổng giám đốc, thành viên HĐQT
- ❖ Tháng 12/2006 – 03/2009: Tổng giám đốc, thành viên HĐQT
- ❖ Tháng 04/2009 đến nay: Chủ tịch hội đồng quản kiêm Tổng giám đốc

Nguyễn Văn Hùng - Phó tổng giám đốc kiêm thành viên HĐQT

Giới tính	Nam		
Số CMND:	011133025	ngày cấp: 20/02/2004	nơi cấp: CA Hà nội

Ngày tháng năm sinh 13/10/1953
Nơi sinh Thanh Hoá
Quê quán Hải Thanh – Tĩnh Gia – Thanh Hoá
Quốc tịch Việt Nam
Dân tộc Kinh
Địa chỉ thường trú 64 Ngõ 203 Đường Trường Chinh – Thanh Xuân – Hà Nội.
Số điện thoại liên lạc: 04.35543795
Trình độ văn hoá Đại học
Trình độ chuyên môn Cử nhân kinh tế - chuyên ngành kế toán tài chính

Quá trình công tác

- ❖ Năm 1986 – 2002: Kế toán trưởng Công ty
- ❖ Năm 2003 đến nay: Thành viên HĐQT-Phó giám đốc-Phó tổng giám đốc Công ty CP LILAMA- Thí Nghiệm Cơ Điện

Hoàng Văn Lít - Phó tổng giám đốc

Giới tính Nam
Số CMND: 011520060 ngày cấp: 09/06/1999 nơi cấp: CA Hà Nội
Ngày tháng năm sinh 09/01/1970
Nơi sinh Hà Nội
Quê quán Cổ Loa – Đông Anh – Hà Nội
Quốc tịch Việt Nam
Dân tộc Kinh
Địa chỉ thường trú Xóm Nhồi - Cổ Loa - Đông Anh – Hà Nội
Số điện thoại liên lạc: 04.35543794
Trình độ văn hoá Đại học
Trình độ chuyên môn Kỹ sư điện

Quá trình công tác

- ❖ Tháng 6/2005 – tháng 7/2007: Phó phòng kinh tế kỹ thuật Công ty CP Lắp Máy& Thí Nghiệm Cơ Điện
- ❖ Tháng 8/2007 đến nay: Phó tổng giám đốc Công ty CP LILAMA- Thí Nghiệm Cơ Điện

Nguyễn Mạnh Đoàn- Phó tổng giám đốc kiêm thành viên HĐQT

Giới tính Nam
Số CMND: 011288562 ngày cấp: 05/04/2004 nơi cấp: CA Hà Nội
Ngày tháng năm sinh 01/10/1953
Nơi sinh Nam Đàn - Nghệ An

Quê quán	Nam Đàn - Nghệ An
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	Tập thể 125C Minh Khai – Hai Bà Trưng – Hà Nội
Số điện thoại liên lạc:	04.35544003
Trình độ văn hoá	Đại học
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư điện

Quá trình công tác

- ❖ Năm 1993 – 03/2003: Phó giám đốc Công ty Lắp Máy & Thí Nghiệm Cơ Điện
- ❖ Tháng 4/2003- 10/2007: Phó giám đốc ban dự án điện Uông Bí Tổng Công Ty Lắp Máy Việt Nam
- ❖ Tháng 11/2007- 08/2008: Giám đốc ban dự án điện Uông Bí Tổng Công Ty Lắp Máy Việt Nam

Tháng 08/2008– 03/2009: Phó tổng giám đốc Công ty CP LILAMA – Thí Nghiệm Cơ Điện

- ❖ Tháng 04/2009 đến nay: Thành viên HĐQT - Phó tổng giám đốc Công ty CP LILAMA – Thí Nghiệm Cơ Điện

3.2 Kế toán trưởng

Vũ Thị Thuý Giang - Kế toán trưởng kiêm thành viên HĐQT

Giới tính	Nữ
-----------	----

Số CMND: 012893468 ngày cấp: 17/08/2006 nơi cấp: CA Hà Nội

Ngày tháng năm sinh 25/12/1960

Nơi sinh Hà Nội

Quê quán Thái Thụy – Thái Bình

Quốc tịch Việt Nam

Dân tộc Kinh

Địa chỉ thường trú Số 326 Bà Triệu – Hà Nội.

Số điện thoại liên lạc: 04.35543796

Trình độ văn hoá Đại học

Trình độ chuyên môn Cử nhân kinh tế - chuyên ngành kế toán tài chính

Quá trình công tác

- ❖ Tháng 07/2001- 12/2002: Phó phòng kế toán tài chính Công ty Lắp Máy & Thí Nghiệm Cơ Điện
- ❖ Tháng 01/2003 –03/2004: Trưởng phòng kế toán tài chính Công ty Lắp Máy & Thí Nghiệm Cơ Điện

❖ Tháng 04/2004- 2006: Kế toán trưởng- trưởng phòng kế toán tài chính Công ty CP Lắp Máy và Thí Nghiệm Cơ Điện

❖ Năm 2006 đến nay: Thành viên HĐQT-Kế toán trưởng- trưởng phòng kế toán tài chính Công ty CP LILAMA- Thí Nghiệm Cơ Điện

4. Thay đổi Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành trong năm: Không có

5. Quyền lợi của Ban Giám đốc:

Ban giám đốc công ty được hưởng quyền lợi về tiền lương, tiền thưởng và các quyền lợi khác theo quy chế của công ty.

6. Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng: Không có

VIII. Thông tin cổ đông và Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị, Chủ tịch và Ban kiểm soát:

1.1 Thành viên và cơ cấu của HĐQT, Ban kiểm soát

a. Hội đồng quản trị công ty có 05 thành viên

- | | |
|--------------------------|---------------------------------------|
| + Ông: Hoàng Minh Phương | Chủ tịch HĐQT - Tổng Giám đốc |
| + Ông: Nguyễn Văn Hùng | Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc |
| + Ông: Nguyễn Mạnh Đoàn | Thành viên HĐQT – Phó Tổng Giám đốc |
| + Bà: Vũ Thị Thuý Giang | Thành viên HĐQT – Kế toán trưởng |
| + Ông: Trần Văn Hưng | Thành viên HĐQT – Đội trưởng NDT số 1 |

Tóm tắt lý lịch của các thành viên HĐQT (Xem mục Ban giám đốc và Kế toán trưởng)

Trần Văn Hưng - Thành viên HĐQT kiêm Đội trưởng NDT số 1

Giới tính Nam

Số CMND: 011258062 ngày cấp: 21/08/2001 nơi cấp: CA Hà Nội

Ngày tháng năm sinh 23/10/1955

Nơi sinh Mỹ Thắng – Nam Định

Quê quán Mỹ Thắng – Nam Định

Quốc tịch Việt Nam

Dân tộc Kinh

Địa chỉ thường trú Tập thể 125C Minh Khai – Hai Bà Trưng – Hà Nội

Số điện thoại liên lạc: 0913214357

Trình độ văn hoá Đại học

Trình độ chuyên môn Kỹ sư điện

Quá trình công tác

❖ Tháng 09/1994- 3/2009: Đội trưởng đội NDT của Công ty CP LILAMA - Thí Nghiệm Cơ Điện

❖ Tháng 04/2009 đến nay: Thành viên HĐQT- Đội trưởng đội NDT 1 của Công ty CP LILAMA - Thí Nghiệm Cơ Điện

b. Ban kiểm soát của công ty có 03 thành viên độc lập không điều hành

- + Ông: Nguyễn Mạnh Hưởng Trưởng ban kiểm soát
- + Ông: Lương Văn Khải Thành viên ban kiểm soát
- + Ông: Lê Tuấn Anh Thành viên ban kiểm soát

Tóm tắt lý lịch của các thành viên Ban kiểm soát:

Nguyễn Mạnh Hưởng - Trưởng ban kiểm soát

Giới tính Nam

Số CMND: 131617690 ngày cấp: 13/07/1999 nơi cấp: CA Phú Thọ

Ngày tháng năm sinh 14/01/1982

Nơi sinh Lâm Thao, Phú Thọ

Quê quán Lâm Thao, Phú Thọ

Quốc tịch Việt Nam

Dân tộc Kinh

Địa chỉ thường trú Thị trấn Hùng Sơn, Lâm Thao, Phú Thọ

Số điện thoại liên lạc: 0912882006

Trình độ văn hoá Đại học

Trình độ chuyên môn Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác

❖ Từ Tháng 1 năm 2005 đến nay: Chuyên viên kế toán – Ban Tài Chính Kế toán Tổng công ty Lắp Máy Việt Nam (LILAMA)

❖ Từ Tháng 4 năm 2009 đến nay: Trưởng Ban Kiểm soát - Công ty Cổ phần LILAMA Thí nghiệm cơ điện

Lương Văn Khải – Thành viên ban kiểm soát

Giới tính Nam

Số CMND: 012969239 ngày cấp: 27/04/2007 nơi cấp: CA Hà Nội

Ngày tháng năm sinh 10/10/1955

Nơi sinh Hưng Yên

Quê quán Hưng Yên

Quốc tịch Việt Nam

Dân tộc Kinh

Địa chỉ thường trú 12 ngõ Hoà Bình 7 - Minh Khai – Hai Bà Trưng – Hà Nội

Số điện thoại liên lạc: 04.35543791

Trình độ văn hoá Đại học

Trình độ chuyên môn Kỹ sư điện

Quá trình công tác

- ❖ Năm 1993- 2001: Đội trưởng đội Thí nghiệm của Công ty Lắp Máy & Thí Nghiệm Cơ Điện
- ❖ Năm 2002- 2006: Kỹ sư phòng kinh tế kỹ thuật Công ty CP LILAMA - Thí Nghiệm Cơ Điện
- ❖ Năm 2007- 03/2009: Phó phòng kinh tế kỹ thuật Công ty CP LILAMA - Thí Nghiệm Cơ Điện
- ❖ Tháng 04/2009- 06/2009: Thành viên ban kiểm soát - Phó phòng kinh tế kỹ thuật
- ❖ Tháng 7/2009 đến nay: Thành viên ban kiểm soát - Trưởng phòng kinh tế kỹ thuật Công ty CP LILAMA - Thí Nghiệm Cơ Điện

Lê Tuấn Anh - Thành viên ban kiểm soát

Giới tính Nam

Số CMND: 013085763 ngày cấp: 13/06/2008 nơi cấp: CA Hà Nội

Ngày tháng năm sinh 13/02/1983

Nơi sinh Bắc Giang

Quê quán Bắc Giang

Quốc tịch Việt Nam

Dân tộc Kinh

Địa chỉ thường trú 16/88 Lê Trọng Tấn - Phường Khương Mai-Thanh Xuân-Hà Nội

Số điện thoại liên lạc: 0915162099

Trình độ văn hoá Đại học

Trình độ chuyên môn Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác

- ❖ Năm 2006- 03/2009: Nhân viên phòng Tài chính Kế toán
- ❖ Tháng 04/2009 đến nay: Thành viên ban kiểm soát - Nhân viên phòng Tài chính Kế toán

❖ ***Hoạt động của Hội đồng quản trị***

Năm 2010 Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện tốt vai trò chỉ đạo, quản lý và giám sát toàn diện các mặt hoạt động SXKD của Công ty. Kiểm tra giám sát về việc thực hiện các chế độ chính sách của Nhà Nước, các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, các quy định, điều hành của Tổng Giám đốc trong hoạt động SXKD. Bằng các Nghị quyết và quyết định của mình, HĐQT đã đưa ra định hướng đúng đắn, các giải pháp phù hợp và kịp thời để chỉ đạo thực hiện hoạt động SXKD.

1.2 Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành:

- a. Tham dự đầy đủ các phiên họp HĐQT, cùng xem xét nghiên cứu và đưa ra ý kiến đóng góp cho Nghị quyết của HĐQT.
- b. Thường xuyên cùng ban kiểm soát công ty kiểm tra hoạt động tài chính và các hoạt động khác của công ty.

- c. Có ý kiến kịp thời với Ban giám đốc và HĐQT khi nhận thấy có những quyết sách chưa hợp lý.

1.3 Hoạt động của các tiểu ban trong HĐQT:

Hội đồng quản trị công ty không thành lập các tiểu ban trực thuộc mà phân công cho các uỷ viên HĐQT phụ trách từng lĩnh vực và tham gia trực tiếp vào các Hội đồng của công ty như: Hội đồng lương, Hội đồng thi đua khen thưởng, Hội đồng giao khoán...

1.4 Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Ban kiểm soát công ty họp định kỳ cùng với các kỳ họp HĐQT. Ban kiểm soát đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và quyền hạn được quy định trong điều lệ của công ty: giám sát, kiểm tra, thẩm tra báo cáo tài chính và các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty nhằm bảo đảm tính chính xác, trung thực về báo cáo hoạt động của Công ty, nhằm đảm bảo quyền lợi của nhà đầu tư.
- Hàng năm Ban Kiểm soát có báo cáo đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, hoạt động đầu tư của Công ty, đồng thời đưa ra những kiến nghị đối với HĐQT, Đại hội đồng cổ đông thường niên xem xét quyết định.

1.5 Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty:

- Hội đồng quản trị hoạt động với mục đích quản lý và điều hành đem lại lợi ích cao nhất cho công ty, do vậy để hoạt động của HĐQT ngày càng có hiệu quả Các thành viên trong hội đồng quản trị sẽ cố gắng nâng cao ý thức, tinh thần trách nhiệm đối với công việc mình được giao;
- Công ty sẽ phối hợp và hỗ trợ tối đa để các thành viên trong HĐQT và Ban kiểm soát hoàn thành tốt công việc theo quy định của pháp luật và theo quy điều lệ của công ty;
- Cử thành viên HĐQT, BKS, Ban giám đốc và một số vị trí chủ chốt khác trong công ty tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng trình độ quản trị doanh nghiệp;
- Tiếp tục kiện toàn hệ thống quy chế quản lý nội bộ và triển khai thực hiện nhất quán tại các đơn vị, công trình trực thuộc;
- Xây dựng văn hoá doanh nghiệp, tạo môi trường làm việc thuận lợi , phát huy tính chủ động, sáng tạo và tinh thần trách nhiệm của mỗi thành viên.

1.6 Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho thành viên HĐQT, Chủ tịch và thành viên Ban kiểm soát:

Nhằm đảm bảo quyền lợi và trách nhiệm của Hội đồng quản trị, ban kiểm soát đối với việc quản trị, điều hành và kiểm soát quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2010/ (ngày 10/04/2010) đã thông qua mức thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo các mức như sau:

- Thù lao một tháng của Chủ tịch HĐQT 3,5 lần, thành viên HĐQT 3 lần, Trưởng ban kiểm soát 3 lần, thành viên Ban kiểm soát 2 so với mức lương tối thiểu nhà nước quy định.

STT	Thành phần	Số tiền/năm 2010
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị	36.960.000
2	Thành viên HĐQT	126.720.000
3	Trưởng Ban kiểm soát	31.680.000

4	Thành viên Ban kiểm soát	42.240.000
	Tổng	237.600.000

1.7 Tỷ lệ sở hữu cổ phần của thành viên HĐQT, BKS (Phần sở hữu cá nhân)

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu tại ngày 31/12/2009	
			Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Hoàng Minh Phương	Chủ tịch HĐQT	29.124	2,16
2	Vũ Thị Thuý Giang	Thành viên HĐQT	19.342	1,43
3	Nguyễn Văn Hùng	Thành viên HĐQT	33.020	2,45
4	Trần Văn Hưng	Thành viên HĐQT	30.000	2,22
5	Nguyễn Mạnh Hường	Trưởng BKS	88	0,006
6	Lương Văn Khải	Thành viên BKS	12.610	0,93

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông:

2.1 Cổ đông/ thành viên góp vốn nhà nước

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Số Đăng ký kinh doanh	Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Tổng công ty Lắp máy Việt Nam- Công ty TNHH MTV	124 Minh Khai, Hà Nội	0100106313	699.975	51,85

2.2 Cổ đông/ thành viên góp vốn sáng lập

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Số Đăng ký kinh doanh	Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Tổng công ty Lắp máy Việt Nam Đại diện Hoàng Minh Phương Vũ Thị Thuý Giang Nguyễn Văn Hùng	124 Minh Khai, Hà Nội 22 ngõ 357 đường Nguyễn Tam Trinh, phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Hà Nội 326 Bà Triệu, Hà Nội 64 Ngõ 203 Đường Trường Chinh – Thanh Xuân – Hà Nội	110860	699.975	51,85
2	Hoàng Minh Phương	22 ngõ 357 đường Nguyễn Tam Trinh, phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Hà Nội		129.124	2,16

2.3 Cổ đông/ thành viên góp vốn nước ngoài: không có

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA - THÍ NGHIỆM CƠ ĐIỆN

đã ký

Tổng Giám Đốc
Hoàng Minh Phương